

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN VĨNH LỢI
TỈNH BẠC LIÊU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 29/2024/DS-ST
Ngày: 07 – 8 – 2024
V/v tranh chấp vay tài sản.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VĨNH LỢI, TỈNH BẠC LIÊU**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Hoàng Tính

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Phạm Văn Sáu

2. Bà Trương Thị Hồng Phụng

- Thư ký phiên tòa: Bà Huỳnh Ngọc Nhiều, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Lợi, tỉnh Bạc Liêu.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Lợi, tỉnh Bạc Liêu tham gia phiên tòa: Bà Trịnh Thị Mỹ Tiên, Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 8 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Lợi, tỉnh Bạc Liêu xét xử sơ thẩm vụ án thụ lý số 34/2024/TLST-DS ngày 20 tháng 02 năm 2024 về tranh chấp vay tài sản theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 36A/2024/QĐXXST-DS ngày 21 tháng 6 năm 2024 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà **Huỳnh Thị N**, sinh năm 1967 và ông **Lê Văn T**, sinh năm 1961. Địa chỉ: **Ấp Đ, xã V, huyện V, tỉnh Bạc Liêu**. (Có mặt)

Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Ông **Huỳnh Phước H**, là Luật sư của **Công ty L** thuộc **Đoàn Luật sư tỉnh B**. (Có mặt)

- *Bị đơn:* Ông **Nguyễn Chí T1**, sinh năm 1961. Địa chỉ: **Ấp Đ, xã V, huyện V, tỉnh Bạc Liêu**. (Vắng mặt)

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Bà **Phạm Thị S** (tên thường gọi là **X**), sinh năm 1961. Địa chỉ: **Ấp Đ, xã V, huyện V, tỉnh Bạc Liêu**. (Vắng mặt)

2. Ông **Phan Văn V**, sinh năm 1977. Địa chỉ: **Ấp Đ, xã V, huyện V, tỉnh Bạc Liêu**. (Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 07/12/2023, đơn khởi kiện bổ sung đề ngày 16/02/2024 của nguyên đơn bà **Huỳnh Thị N** và ông **Lê Văn T** thống nhất trình bày: Bà **N**, ông **T** nhiều lần cho ông **T1** vay số tiền 270.000.000 đồng, cụ thể:

+ Lần thứ 1, ngày 07/8/2019 âm lịch cho ông **T1** vay số tiền 200.000.000 đồng, lãi suất hai bên thỏa thuận là 4,5%/tháng, thời hạn vay là 02 tháng trả cả vốn lẫn lãi, biên nhận do bà **N** viết, ông **T1** trực tiếp ký tên;

+ Lần 2, ngày 05/9/2019 âm lịch cho ông **T1** vay số tiền 70.000.000 đồng, lãi suất hai bên thỏa thuận là 4,5%/tháng, thời hạn vay là 02 tháng trả cả vốn lẫn lãi, biên nhận do bà **N** viết, ông **T1** trực tiếp ký tên.

Ngoài ra, ông **Phan Văn V** (em ông **T1**) nhiều lần vay của bà **N** tổng số tiền 150.000.000 đồng.

Mục đích ông **T1** và ông **V** vay tiền của bà **N**, ông **T** là để làm vốn mua bán lúa. Từ khi vay đến nay, ông **V** đã thanh toán được 97.000.000 đồng tiền lãi (bao gồm tiền nợ của ông **V** và ông **T1**), ông **T1** không có thanh toán khoản tiền lãi nào cho bà **N**, ông **T**. Nay bà **N**, ông **T** yêu cầu ông **T1**, bà **S** thanh toán số tiền nợ gốc là 270.000.000 đồng và tiền lãi kể từ ngày vay tiền cho đến khi thanh toán xong số tiền nợ gốc nêu trên theo mức lãi suất bằng 20%/năm.

Bị đơn ông Nguyễn Chí T1 trình bày tại Biên bản lấy lời khai đương sự ngày 17/4/2024 (bút lục 38-39): Ông **T1** có trực tiếp ký tên vào 02 biên nhận vay tiền của bà **N** tổng cộng là 270.000.000 đồng cụ thể:

+ Lần thứ 1, ngày 07/8/2019 âm lịch ký tên vào biên nhận nhận của bà **N** số tiền 200.000.000 đồng, lãi suất hai bên thỏa thuận là 4,5%/tháng, thời hạn vay là 02 tháng trả cả vốn lẫn lãi.

+ Lần 2, ngày 05/9/2019 âm lịch ký tên vào biên nhận nhận của bà **N** số tiền 70.000.000 đồng, lãi suất hai bên thỏa thuận là 4,5%/tháng, thời hạn vay là 02 tháng trả cả vốn lẫn lãi.

Mục đích ông **T1** nhận tiền của bà **N** là nhận dùm cho ông **Phan Văn V** (em ruột cùng mẹ khác cha với ông **T1**) làm vốn mua bán lúa. Từ khi vay tiền của bà **N** đến nay, ông **T1** không có thanh toán tiền gốc, lãi cho bà **N**; hàng tháng tiền lãi đều do ông **V** thanh toán cho bà **N** nên ông **T1** không rõ là đã thanh toán được bao nhiêu tháng tiền lãi. Ông **T1** xác định số tiền 270.000.000 đồng là khoản vay của ông **V** nên ông **T1** không đồng ý thanh toán số tiền nợ gốc là 270.000.000 đồng và tiền lãi theo yêu cầu khởi kiện của bà **N**, ông **T**.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Phan Văn V trình bày tại Biên bản lấy lời khai đương sự ngày 17/7/2024 (bút lục 57-58): Ngày 07/9/2019, ông **V** trực tiếp ký tên vào biên nhận vay của bà **N** số tiền 130.000.000 đồng, lãi suất hai bên thỏa thuận là 4,5%/tháng, thời hạn vay là 02 tháng trả cả vốn lẫn lãi và khoảng tháng 12 năm 2019 (gần Tết Nguyên đán năm 2019 không nhớ ngày), ông **V** vay thêm của bà **N** số tiền 20.000.000 đồng, lãi suất tính hàng ngày, mỗi ngày 140.000 đồng (bằng 4.200.000 đồng/tháng). Số tiền 270.000.000 đồng mà ông **T1** ký tên vào biên nhận vay tiền của bà **N** là ông **T1** nhận tiền dùm cho ông **V** để ông **V** để làm vốn mua bán lúa nên tiền lãi hàng tháng đều do ông **V** thanh toán cho bà **N**; ông **T1** không có thanh toán tiền lãi cho bà **N**. Ông **V** xác định số tiền 270.000.000 đồng mà ông **T1** nợ bà **N** là khoản vay của **V** nên ông **V** đồng ý thanh toán số tiền 270.000.000 đồng và tiền lãi theo quy định của pháp luật cho bà **N**, ông **T**.

Đối với số tiền nợ 150.000.000 đồng và tiền lãi mà ông **V** đã thanh toán cho bà **N**, hiện bà **N** đã khởi kiện ông **V** trong vụ án khác, ông **V** với bà **N** sẽ thỏa

thuận khi Tòa án giải quyết nên ông **V** không có ý kiến hay yêu cầu gì đối với vụ án này.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Phạm Thị S (tên thường gọi: Xù): Tòa án đã tổng đạt hợp lệ Thông báo về việc thụ lý vụ án, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa và các văn bản tố tụng khác cho bà **S** nhưng bà **S** vẫn vắng mặt không rõ lý do nên Tòa án không ghi nhận được ý kiến của bà **S** đối với yêu cầu khởi kiện của bà **N** và ông **T**.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn phát biểu ý kiến tranh luận: Ông **T1** thừa nhận trực tiếp ký tên vào 02 biên nhận vay của bà **N**, ông **T** tổng số tiền 270.000.000 đồng, đây là tình tiết, sự kiện được bị đơn thừa nhận nên bà **N**, ông **T** không phải chứng minh theo quy định tại khoản 1 Điều 91 Bộ luật Tố tụng dân sự, nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà **N**, ông **T**. Tại phiên tòa, bà **N** và ông **T** xin rút lại một phần yêu cầu khởi kiện đối với số tiền 150.000.000 đồng và tiền lãi theo quy định của pháp luật đối với số tiền trên. Bà **N**, ông **T** yêu cầu ông **T1**, bà **S** cùng có nghĩa vụ thanh toán số tiền vay còn nợ là 270.000.000 đồng và tiền lãi theo quy định của pháp luật (bằng 20%/năm), kể từ ông **T1** ký tên vào biên nhận vay tiền của bà **N**, ông **T** cho đến khi thanh toán xong số tiền nợ gốc nêu trên.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Lợi phát biểu ý kiến:

Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán, Thư ký phiên tòa và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Viện kiểm sát chưa phát hiện vi phạm thủ tục tố tụng. Nguyên đơn bà **Huỳnh Thị N**, ông **Lê Văn T** đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định tại các điều 70, 71 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn ông **Nguyễn Chí T1**, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông **Phan Văn V** và bà **Phạm Thị S (X)** chưa thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định tại các điều 70, 72, 73 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận việc rút một phần yêu cầu khởi kiện của bà **N**, ông **T** về việc yêu cầu ông **T1**, bà **S (X)** thanh toán số tiền 150.000.000 đồng và tiền lãi theo pháp luật đối với số tiền trên. Đình chỉ giải quyết một phần yêu cầu khởi kiện nêu trên của bà **N**, ông **T** đối với ông **T1**, bà **S (X)**. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà **N**, ông **T** đối với ông **T1**, bà **S (X)**. Buộc ông **T1**, bà **S (X)** cùng có nghĩa vụ thanh toán cho bà **N**, ông **T** tiền số tiền vay còn nợ là 270.000.000 đồng và tiền lãi theo quy định của pháp luật, từ ngày vay đến ngày khi ông **T1**, bà **S (X)** thanh toán xong số tiền nợ gốc nêu trên.

Án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch: Ông **T1**, bà **S (X)** phải nộp theo quy định của pháp luật. Tuy nhiên, ông **T1**, bà **S (X)** là người cao tuổi và có đơn xin miễn nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm nên đề nghị Hội đồng xét xử miễn cho ông **T1**, bà **S (X)** không phải nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Bà **Huỳnh Thị N** và ông **Lê Văn T** nộp đơn khởi kiện ông **Nguyễn Chí T1** yêu cầu thanh toán số tiền vay còn nợ là 270.000.000 đồng và tiền lãi theo quy định pháp luật đến khi thanh toán xong số tiền nợ gốc nêu trên. Đây là tranh chấp hợp đồng dân sự về vay tài sản theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự; các điều 430, 440, 468 Bộ luật Dân sự. Khi bà **N**, ông **T** nộp đơn khởi kiện, ông **T1** có địa chỉ cư trú tại **ấp Đ, xã V, huyện V, tỉnh Bạc Liêu** nên vụ kiện trên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Lợi, tỉnh Bạc Liêu theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Ông **Nguyễn Chí T1**, bà **Phạm Thị S (X)** và ông **Phan Văn V** đã được Tòa án triệu tập để tham gia phiên tòa đến lần thứ hai mà vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt ông **Nguyễn Chí T1**, bà **Phạm Thị S (X)** và ông **Phan Văn V**.

[3] Bà **Huỳnh Thị N** và ông **Lê Văn T** rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với số tiền nợ gốc là 150.000.000 đồng và tiền lãi, mức lãi suất đối với số tiền nợ gốc nêu trên, tính từ ngày vay tài sản đến khi thanh toán xong số tiền nợ 150.000.000 đồng. Xét thấy, việc bà **N**, ông **T** rút một phần yêu cầu khởi kiện nêu trên là tự nguyện và không vượt quá phạm vi khởi kiện ban đầu nên được Hội đồng xét xử chấp nhận. Căn cứ điểm c khoản 1 Điều 217, khoản 2 Điều 219, khoản 2 Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử đình chỉ giải quyết một phần yêu cầu khởi kiện nêu trên của bà **N**, ông **T** đối với ông **T1**.

[4] Ông **Nguyễn Chí T1** thừa nhận hai lần ký tên vào biên nhận nhận số tiền 270.000.000 đồng của bà **N**, cụ thể: Lần thứ 1, ngày 07/8/2019 âm lịch ông **T1** ký tên vào biên nhận nhận vay của bà **N** số tiền 200.000.000 đồng, lãi suất hai bên thỏa thuận là 4,5%/tháng, thời hạn vay là 02 tháng trả cả vốn lẫn lãi. Lần 2, ngày 05/9/2019 âm lịch ông **T1** ký tên vào biên nhận nhận vay của bà **N** số tiền 70.000.000 đồng, lãi suất hai bên thỏa thuận là 4,5%/tháng, thời hạn vay là 02 tháng trả cả vốn lẫn lãi, nhưng ông **T1** xác định số tiền này ông **T1** nhận thay cho ông **Phan Văn V** do ông **V** vay tiền của bà **N** để làm vốn mua bán lúa và gửi lúa tại kho nhà bà **N**. Việc thanh toán lãi hàng tháng là do ông **V** thanh toán cho bà **N**, ông **T1** không có thanh toán tiền lãi cho bà **N**, ông **T**. Vì vậy, ông **T1** không đồng ý thanh toán cho bà **N** số tiền nợ 270.000.000 đồng và tiền lãi theo quy định của pháp luật như yêu cầu khởi kiện của bà **N**, ông **T**. Điều này được ông **Phan Văn V** thừa nhận là ông **T1** nhận tiền của bà **N** dùm cho ông **V** nhưng bà **N** không thừa nhận cho ông **V** vay số tiền 270.000.000 đồng mà cho ông **T1** vay số tiền trên, ông **T1** trực tiếp ký tên vào 02 biên nhận ngày 07/8/2019 âm lịch và ngày 05/9/2019 âm lịch.

[5] Bà **N** thừa nhận từ khi vay tiền đến nay, ông **V** đã thanh toán cho bà **N** được 97.000.000 đồng tiền lãi theo mức lãi suất 4,5%/tháng, ông **T1** chưa thanh toán số tiền lãi đối với số tiền gốc đã vay cho bà **N**, ông **T**. Điều đó, phù hợp với lời trình bày của ông **T1** và ông **V** nên Hội đồng xét xử có căn cứ chấp nhận lời

trình bày nêu trên của các đương sự. Việc ông **V** thanh toán số tiền lãi 97.000.000 đồng cho bà **N** là thanh toán cho số tiền nợ 400.000.000 đồng theo mức lãi suất 4,5%/tháng là vượt quá quy định của pháp luật nhưng bà **N** đã khởi kiện ông **V** trong vụ án khác, ông **V** đồng ý giải quyết tiền lãi đã thanh toán cho bà **N**, ông **T** trong vụ án khác, không yêu cầu Tòa án giải quyết trong vụ án này nên Hội đồng xét xử ghi nhận, không xem xét, giải quyết.

[6] Xét thấy, ông **T1** thừa nhận trực tiếp ký tên vào 02 tờ biên nhận các ngày 07/8/2019 âm lịch và ngày 05/9/2019 âm lịch để vay số tiền 270.000.000 đồng của bà **N**, ông **T**. Đây là tình tiết, sự kiện được ông **T1** thừa nhận nên bà **N**, ông **T** không phải chứng minh cho giao dịch vay tiền với ông **T1** theo quy định tại khoản 1 Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự. Từ đó, Hội đồng xét xử có căn cứ chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà **N**, ông **T**, buộc ông **T1**, bà **S** (Xù) cùng có nghĩa vụ thanh toán cho bà **N**, ông **T** số tiền nợ gốc là 270.000.000 đồng và tiền lãi theo quy định của pháp luật (bằng 20%/năm), tính từ ngày vay tiền đến khi thanh toán xong số tiền nợ gốc nêu trên.

[7] Xét yêu cầu tính lãi theo quy định của pháp luật (bằng 20%/năm) của bà **N**, ông **T** đối với số tiền 270.000.000 đồng mà ông **T1**, bà **S** (X) còn nợ từ ngày vay tiền đến khi thanh toán xong số tiền nợ gốc nêu trên là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 nên Hội đồng xét xử chấp nhận. Xét thấy, ông **T1** thừa nhận là vợ chồng hợp pháp với bà **S** (Xù), số tiền nợ nêu trên của bà **N**, ông **T** phát sinh trong thời kỳ hôn nhân của ông **T1**, bà **S** (X) nên cần buộc ông **T1**, bà **S** (Xù) cùng có nghĩa vụ thanh toán tiền lãi cho bà **N**, ông **T**, cụ thể như sau:

[7.1] Khoản vay 200.000.000 đồng ngày 07/8/2019 âm lịch (nhằm ngày 05/9/2019) đến ngày xét xử sơ thẩm (ngày 07/8/2024) là 04 năm 11 tháng 02 ngày x 200.000.000 đồng x 20%/năm = 196.888.888 đồng;

[7.2] Khoản vay 70.000.000 đồng ngày 05/9/2019 âm lịch (nhằm ngày 03/10/2019) đến ngày xét xử sơ thẩm (ngày 07/8/2024) là 04 năm 10 tháng 04 ngày x 70.000.000 đồng x 20%/năm = 67.822.222 đồng.

[7.3] Tổng cộng 02 khoản tiền lãi là: 196.888.888 đồng + 67.822.222 đồng = 264.711.110 đồng.

[7.4] Tổng cộng tiền gốc, lãi là: 270.000.000 đồng + 264.711.110 đồng = 534.711.110 đồng.

[8] Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của bà **N**, ông **T** được Tòa án chấp nhận nên ông **T1**, bà **S** (X) phải nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch theo quy định của pháp luật. Tuy nhiên, ông **T1**, bà **S** (X) là người cao tuổi và có đơn xin miễn nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm. Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12, điểm b khoản 1 Điều 24, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, Hội đồng xét xử chấp nhận, miễn cho ông **T1**, bà **S** (X) không phải nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch nêu trên.

Bà N, ông T không phải nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm. Trả lại cho bà N, ông T số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 16.400.000 đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí số 0003902 ngày 20/02/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Vĩnh Lợi, tỉnh Bạc Liêu.

[9] Từ những phân tích nêu trên, có căn cứ chấp nhận quan điểm đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228, điểm c khoản 1 Điều 217, Điều 218, khoản 2 Điều 219, khoản 2 Điều 244 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các điều 357, 463, 466, 468 Bộ luật Dân sự; Điều 37 Luật Hôn nhân và gia đình; điểm đ khoản 1 Điều 12, điểm b khoản 1 Điều 24, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận việc rút một phần yêu cầu khởi kiện của bà Huỳnh Thị N, ông Lê Văn T đối với ông Nguyễn Chí T1. Đình chỉ giải quyết một phần yêu cầu khởi kiện của bà Huỳnh Thị N, ông Lê Văn T đối với ông Nguyễn Chí T1 về việc yêu cầu thanh toán số tiền nợ gốc là 150.000.000 đồng và tiền lãi phát sinh của số tiền 150.000.000 đồng từ khi vay đến khi thanh toán xong số tiền nợ gốc nêu trên.

2. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Huỳnh Thị N, ông Lê Văn T đối với ông Nguyễn Chí T1 về việc tranh chấp vay tài sản. Buộc ông Nguyễn Chí T1 và bà Phạm Thị S (Xù) cùng có nghĩa vụ thanh toán cho bà Huỳnh Thị N, ông Lê Văn T số tiền 534.711.110 đồng, trong đó tiền nợ gốc là 270.000.000 đồng, tiền lãi là 264.711.110 đồng.

3. Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm là ngày 08 tháng 8 năm 2024 cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch: Miễn cho ông Nguyễn Chí T1 và bà Phạm Thị S (Xù) không phải nộp. Trả lại cho bà Huỳnh Thị N, ông Lê Văn T số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 16.400.000 đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí số 0003902 ngày 20/02/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Vĩnh Lợi, tỉnh Bạc Liêu.

5. Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi

hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

6. Về quyền kháng cáo: Bà Huỳnh Thị N, ông Lê Văn T có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Ông Nguyễn Chí T1, bà Phạm Thị S (X), ông Phan Văn V vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai./.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bạc Liêu;
- VKSND huyện Vĩnh Lợi;
- Chi cục THADS huyện Vĩnh Lợi;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

Nguyễn Hoàng Tính